

Bản án số: 97/2024/HS-ST  
Ngày 21-6-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Mai Trang – Giáo viên trường THCS Đồng T

Ông V Văn Thi – Cán bộ hưu trí xã Tân Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Hoàng Ngọc Khanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 05 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 với các bị cáo:

1. Nguyễn Lý K, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2005 (Khi phạm tội 17 tuổi 09 tháng 13 ngày), tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số A, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thu H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 21/9/2023 đến ngày 06/10/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

2. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2006 (khi phạm tội 16 tuổi 04 tháng 12 ngày), tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Mỹ A; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 21/9/2023 đến ngày 06/10/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

3. Đoàn Bảo Đ, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2005, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H và bà Lê Thị Hoài N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự:

không; bị bắt tạm giam ngày 24/9/2023 đến ngày 06/10/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

4. Đặng Tiến Đ, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2005 (khi phạm tội 17 tuổi 07 tháng), tại Hải Phòng. nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Bích N; chưa có vợ con; bị bắt tạm giam ngày 23/9/2023 đến ngày 06/10/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

5. Phạm Đức M, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2005 (khi phạm tội 17 tuổi 11 tháng 13 ngày), tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 10/6/2023; có mặt.

6. Lê Mạnh D, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 (khi phạm tội 16 tuổi 5 tháng 01 ngày), tại Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thị T; chưa có vợ con; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2023; có mặt.

7. Đào Mạnh Q, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2006 (khi phạm tội 16 tuổi 5 tháng 17 ngày), tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T và bà Lê Thị H; chưa có vợ con; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2023; có mặt.

8. Lê Thành V, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2005 (khi phạm tội 17 tuổi 3 tháng 06 ngày), tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ con; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2023; có mặt.

9. Đinh Công Tuấn A, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2006 (khi phạm tội 16 tuổi 02 tháng 14 ngày), tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Công D và bà Trần Thị H; chưa có vợ con; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2023; có mặt.

10. Đỗ Anh V, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2006 (khi phạm tội 16 tuổi 7 tháng 22 ngày), tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đình H và bà Trần Thị T; chưa có vợ con; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2023; có mặt.

11. Trần Văn H, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2001, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Lê Q A; chưa có vợ con; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2023; có mặt.

*Bị hại:*

- Nguyễn Lý K, sinh năm 2005; Địa chỉ: Số A, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng (là bị cáo trong vụ án)

- Lê Thành V, sinh năm 2005; Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng (là bị cáo trong vụ án)

*Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:*

- Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1983 (là bố mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Ngọc T); Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Ông Lê Văn Q, sinh năm 1971 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1972 (là bố mẹ đẻ của bị cáo Lê Mạnh D); Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; ông Q có mặt, bà T vắng mặt.

- Ông Đào Văn T, sinh năm 1979 và bà Lê Thị H, sinh năm 1981 (là bố mẹ đẻ của bị cáo Đào Mạnh Q); Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Ông Đinh Công D, sinh năm 1979 và bà Trần Thị H, sinh năm 1980 (là bố mẹ đẻ của bị cáo Đinh Công Tuấn A); Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; ông Danh có mặt, bà H vắng mặt

- Ông Đỗ Đình H, sinh năm 1976 và bà Trần Thị T, sinh năm 1982 (là bố mẹ đẻ của bị cáo Đỗ Anh V); Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; ông H vắng mặt, bà T có mặt

*Người bào chữa:*

- Người bào chữa cho các bị cáo Lê Mạnh D, Đào Mạnh Q, Nguyễn Ngọc T: Bà Trần Thị Thúy – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt

- Người bào chữa cho các bị cáo Đinh Công Tuấn A, Lê Thành V, Đỗ Anh V: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Trần Văn H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng (là bị cáo trong vụ án); có mặt

- Trần Văn H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

- Đại diện Đoàn thanh niên và Trường học:

+ Bà V Thị Thu Hiền – Giáo viên Trung tâm Giáo dục Thường xuyên quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Hiền – Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

+ Bà Dương Thị My – Giáo viên Trường THPT An Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức Toàn – Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Lê Đức Hoàng – Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước với nhóm thanh niên ở xã Hồng Thái (chưa xác định được lai lịch), nên khoảng 17 giờ ngày 12/3/2023 tại quán nước khu vực bờ hồ thị trấn An Dương, Nguyễn Lý K nói với cả nhóm gồm Đoàn Bảo Đ, Đào Mạnh Q, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Nguyễn Ngọc T, Đặng Tiến Đ là tới đi tìm nhóm xã Hồng Thái để trả thù, cả nhóm đồng ý. Khoảng hơn 19 giờ, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B4-41742 đến nhà đón Đức, đồng thời gọi điện thoại cho Q, Mạnh, D, Đ và V tập trung tại khu vực cổng Trường Cao đẳng du lịch thuộc xã N. Ngoài ra, Nguyễn Ngọc T nhắn tin rủ Đỗ Anh V đi đánh nhau, V đồng ý và hẹn T đón V. Khoảng 20 giờ, do đã được K dặn trước nên T mang theo 01 thanh kiếm dạng kiếm nhật điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15C1-49907 từ nhà đến thị trấn An Dương đón V rồi đi đến tập trung tại cổng trường Cao đẳng du lịch. Tại đây K lấy 01 thanh kiếm kim loại đầu sắc nhọn dài khoảng 80cm có cán bằng gỗ cất giấu trong đồng gạch đưa cho Đức cầm và nói với Đức, T, Đ, M, D, Q, V, V “sang Hồng Thái tìm nhóm hôm trước trả thù, ai cứng tay lái thì điều khiển xe”. Q lấy con dao trong cốp xe điện ra cầm ở tay. V điều khiển xe chở T ngồi sau cầm kiếm, K điều khiển xe chở Đức ngồi sau cầm kiếm, D điều khiển xe máy điện chở Q ngồi sau cầm dao, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15C1-505.21, Mạnh điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B4-32529 và Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15C1-50538 đi một mình. Nhóm của K đi đến khu vực thị trấn An Dương thì D vào quán nét Pasion gửi xe máy điện rồi điều khiển xe mô tô của Đ chở Đ, Q chuyển sang ngồi sau xe của Mạnh. Đến khu vực cầu Rế, cả nhóm gặp Đinh Công Tuấn A, Tuấn A biết nhóm K đi đánh nhau đã xin đi cùng và điều khiển xe mô tô chở V. Nhóm của K có 10 người đi trên 05 xe mô tô với tốc độ nhanh trên tuyến đường 351 cầm theo dao, kiếm, đến khu vực chân cầu Kiến An do trời mưa và

không thấy nhóm Hồng Thái hái nên K bảo cả nhóm quay lại. Khi đến khu vực Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái hái thì gặp Trần Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15C1-48141 đi ngược chiều phóng nhanh làm bắn nước vào nhóm của K. Thấy vậy, K bực tức hô “quay lại đuổi”, Cả nhóm quay lại hò hét cầm dao kiếm đuổi theo H. Thấy nhóm K đuổi theo nên H dựng xe ở ngoài cổng trốn vào trong lán H điều khiển xe đến lán của ông Trần Văn D ở thôn Kiều Đông, xã H, huyện A, Hải Phòng. Nhóm K đuổi đến đứng ngoài cổng cầm dao kiếm hò hét, chửi bới H. T dùng thanh kiếm chém vào yên xe mô tô biển kiểm soát 15C1-48141 của H hai nhát làm rách yên xe và xây xước tay xách sau của xe.

Lúc này trong lán của ông D tập trung một số người đang ăn liên hoan gồm Trần Văn H, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Tiến Đ, Trần Văn H, Nguyễn Phú H, Phạm Văn Q đều trú tại xã H; Nguyễn Q H, trú tại xã K, huyện T. Khi H chạy vào lán nói với mọi người về việc đi đường bị nhóm thanh niên lạ mặt đuổi theo. Thấy ngoài cổng có tiếng chửi ầm ĩ và chém vào xe, mọi người trong lán hô hoán cùng chạy ra cổng (H cầm gậy sắt, H cầm dao). Nhóm của K thấy vậy bỏ chạy, trong lúc quay xe bỏ chạy, xe mô tô 15B4-417.42 của K và xe mô tô 15C1-505.21 của V do Tuấn A điều khiển bị móc tay lái vào nhau nên K, Tuấn A đã bỏ lại hai xe mô tô, H cùng H đập phá hai xe mô tô của nhóm K gây hư hỏng. Sau đó, lực lượng Công an xã Hồng Thái đến hiện trường yêu cầu những đối tượng liên quan về trụ sở làm việc và thu giữ: 01 kiếm dài 80cm, phần cán gỗ dài 20cm, phần lưỡi dài 60cm, đầu nhọn, bản rộng 3,5cm, 01 vỏ kiếm gỗ màu đen, dài 85cm (của K), 04 đôi dép, 03 mảnh nhựa vỡ của xe mô tô, xe mô tô biển kiểm soát 15B4-41742, xe mô tô biển kiểm soát 15C1-505.21, xe mô tô biển kiểm soát 15C1-48141, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A13 do Trần Văn H tự nguyện giao nộp, 02 USB file dữ liệu hình ảnh hiện trường. Đối với thanh kiếm T sử dụng quá trình bỏ chạy T đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra đã quyết định truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được.

Tại kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐG ngày 21/7/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện An Dương, kết luận: chi phí khắc phục 03 xe mô tô bị hư hỏng ngày 12/3/2023 gồm: Xe mô tô biển kiểm soát 15B4-417.42 của K là 700.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 15C1-505.21 của V là 1.930.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 15C1-48141 của H là 320.000 đồng.

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái, huyện An Dương, vụ việc xảy ra đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội chung của địa phương.

Cáo trạng số 89/CT-VKS-AD ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố các Nguyễn Lý K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Bảo Đ, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Đinh Công Tuấn A và Đỗ Anh V về tội Gây rối trật tự công cộng, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; Bị can Trần Văn H về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Lý K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Bảo Đ, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Đinh Công Tuấn A và Đỗ Anh V, Trần Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Các bị cáo nhận thức hình vi của mình là trái pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lý K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Bảo Đ, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Đinh Công Tuấn A và Đỗ Anh V phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo Trần Văn H phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 91, 101 và 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Lý K từ 27 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 24 tháng đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

Các bị cáo Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đặng Tiến Đ, Đinh Công Tuấn A và Đỗ Anh V mỗi bị cáo từ 21 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 91, 101 và 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Phạm Đức M và Lê Mạnh D mỗi bị cáo từ 21 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58 và 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Bảo Đ từ 30 tháng đến 33 tháng tù nhưng cho hưởng án treo:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập và lao động cộng đồng đối với bị cáo Trần Văn H.

Án định thời gian thử thách cho các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đoàn Bảo Đ, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Đinh Công Tuấn A, Đỗ Anh V; giao các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đoàn Bảo Đ, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Đinh Công Tuấn A, Đỗ Anh V và Trần Văn H cho địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 kiếm dài 80cm, phần cán gỗ dài 20cm, phần lưỡi dài 60cm, đầu nhọn, bản rộng 3,5cm, 01 vỏ kiếm gỗ màu đen, dài 85cm, 04 đôi dép, 03 mảnh nhựa vỡ của xe mô tô, trả lại cho Trần Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A13.

- Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo Lê Mạnh D, Đào Mạnh Q, Nguyễn Ngọc T, Đinh Công Tuấn A, Lê Thành V và Đỗ Anh V: Người bào chữa N với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo D, Q, T, Tuấn A, V và V. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình, độ tuổi, nhận thức của các bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo đều ở độ tuổi chưa thành niên, nhận thức còn hạn chế, tH sự giám sát của gia đình; các bị cáo Tuấn A, V và V có vai trò thấp nhất vì không chuẩn bị hung khí, a dua, không tham gia gây thiệt hại với xe của H nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị Tuấn A, V, V được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt của mà Kiểm sát viên đề nghị.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Tuấn A, V và V là phù hợp với hành vi, cũng đã áp dụng đầy đủ các điều luật liên quan đến người dưới 18 phạm tội và đã xem xét đến hoàn cảnh gia đình các bị cáo, đến độ tuổi của các bị cáo nên vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội đối với các bị cáo Tuấn A, V và V.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để các bị cáo được tiếp tục học tập và lao động rèn luyện bản thân và giúp đỡ gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội và tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, với **kết luận giám định** số 56/KL-HĐĐG ngày 21 tháng 7 năm 2023 và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 12/3/2023 sau khi có sự thống nhất giữa Nguyễn Lý K và nhóm của mình để đi đánh nhau, Nguyễn Lý K điều khiển xe mô tô chở Đoàn Bảo Đ ngồi sau cầm kiếm, Đỗ Anh V điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Ngọc T ngồi sau cầm **kiếm**, Phạm Đức M điều khiển xe mô tô chở Đào Mạnh Q ngồi sau cầm dao, Lê Mạnh D điều khiển xe mô tô chở Đặng Tiến Đ, Đinh Công Tuấn A điều khiển xe mô tô chở Lê Thành V. Cả nhóm điều khiển xe mô tô đi tốc độ cao đi từ xã N theo đường tỉnh 351 đến cầu Kiến An. Khi cả nhóm gặp Trần Văn H, do xe của H điều khiển làm bắt nước mưa dưới đường vào nhóm của K nên K đã hô cả nhóm quay lại đuổi theo H hò hét, chửi bới. Khi H trốn vào lán nhà ông Trần

Văn D tại thôn Kiều Đông, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, cả nhóm của K đứng trước cửa lán tiếp tục hò hét, chửi bới, dùng kiếm chém làm hư hỏng xe mô tô của Trần Văn H H trị giá 320.000 đồng, gây ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Hồng Thái. Bị cáo Trần Văn H đã dùng gậy sắt cùng Nguyễn Phú H dùng dao đập phá xe mô tô biển kiểm soát 15B4-417.42 của K và xe mô tô biển kiểm soát 15C1-505.21 của V gây thiệt hại trị giá 2.630.000 đồng. Hành vi dùng kiếm, dao đuổi, điều khiển xe mô tô hò hét, đập phá tài sản do các bị cáo Nguyễn Lý K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Bảo Đ, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Đinh Công Tuấn A và Đỗ Anh V thực hiện đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi dùng gậy sắt đập làm hư hỏng xe mô tô biển kiểm soát 15B4-417.42 của K và xe mô tô biển kiểm soát 15C1-505.21 của V do bị cáo H thực hiện gây thiệt hại là 2.630.000 đồng do bị cáo Trần văn H thực hiện đã phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương; trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên hành vi phạm tội của các bị cáo phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; thiệt tài sản đã được bồi thường nên các bị cáo ở tội gây rối trật tự công cộng và bị cáo H đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo K, T, Đức, Q, Đ, Tuấn A, V có ông, bà nội, ngoại có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến, bị cáo V có ông nội là thương binh; bị cáo H đã hoàn thành nghĩa vụ Q sự và bị hại K, V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H nên các bị cáo K, T, Đức, Q, V, Đ, Tuấn A, V và H đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thiệt hại tài sản không lớn nên bị cáo H còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về vai trò, nhân thân và hình phạt: Vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp. Trong vụ án này, bị cáo K là người rủ rê các bị cáo còn lại trong nhóm, là người chuẩn bị Kiếm, phân công cho T cầm theo kiếm nên đánh giá vai trò của K cao nhất trong vụ án. Bị cáo T là người có vai trò thứ hai sau K vì T là người rủ V, đón V, chuẩn bị kiếm và cũng là người dùng kiếm phá hỏng xe mô tô của H. Các bị cáo Đức, Đ, Mạnh, D, Q, V, Tuấn A, V tham gia với vai trò sau cùng vì chỉ có hành vi hò hét, điều khiển xe tốc độ cao gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương. Xét các bị cáo đều phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; các bị cáo K, Đức, Đ,

hiện đang là sinh viên; bị cáo Q và bị cáo V hiện đang là học sinh đều được nhà trường xác nhận trong thời gian học tập ở trường chấp hành nội quy không có vi phạm, đại diện Đoàn thanh niên nơi các bị cáo cư trú và đại diện nhà trường nơi bị cáo Q, bị cáo Tuấn A học tập đều đề nghị Tòa án xem xét áp dụng các quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội để áp dụng mức hình phạt phù hợp tạo điều kiện cho các bị cáo học tập và rèn luyện. Do vậy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo K, T, Đức, Đ, Mạnh, D, Q, V, Tuấn A và V được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Các bị cáo K, T, Đ, Mạnh, D, Q, V, Tuấn A và V khi phạm tội đều ở độ tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi do đó khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 99, Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Xét, bị cáo Trần Văn H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải buộc bị cáo H cải tạo cách ly xã hội mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo H được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo H. Theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự quy định trong thời gian chấp hành án bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Xét, tính chất hành vi phạm tội, bị cáo H hiện làm lao động tự do thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập và miễn thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo H.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại về xe của H, của K và của V đã được các bị cáo bồi thường xong và bị hại, người liên quan không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 kiếm dài 80cm, 01 vỏ kiếm gỗ màu đen liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, 04 đôi dép là tài sản của các bị cáo nhưng các bị cáo không yêu cầu nhận lại và 03 mảnh nhựa vỡ của xe ô tô giá trị nhỏ nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Galaxy A13 do Nguyễn Văn H giao nộp để điều tra nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh Trần Văn H.

[8] Các vấn đề khác: Trong vụ án này Nguyễn Phú H có hành vi làm hư hỏng xe mô tô của K và V hiện H đang bị truy nã nên giải quyết sau.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 99, 101 và 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Lý K, Nguyễn Ngọc T, Đặng Tiến Đ, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đinh Công Tuấn A và Đỗ Anh V.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 99, 101 và 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Đức M và Lê Mạnh D.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58 và 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Bảo Đ.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lý K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Bảo Đ, Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đinh Công Tuấn A và Đỗ Anh V phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lý K 27 (Hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Đoàn Bảo Đ 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt các bị cáo Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đinh Công Tuấn A và Đỗ Anh V mỗi bị cáo 21 (Hai mươi mốt) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (Bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Lý K cho Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; giao các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Đỗ Anh V cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; giao các bị cáo Đoàn Bảo Đ, Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đinh Công Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và giao bị cáo Lê Mạnh D cho Ủy ban nhân dân thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau: Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại

cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị Q đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị Q đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị Q đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn H.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Trần Văn H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 kiếm dài 80cm, phần cán gỗ dài 20cm, phần lưỡi dài 60cm, đầu nhọn, bản rộng 3,5cm, 01 vỏ kiếm gỗ màu đen, dài 85cm, 04 đôi dép, 03 mảnh nhựa vỡ của xe mô tô; trả lại Trần Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 (Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Lý K, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Bảo Đ, Đào Mạnh Q, Lê Thành V, Đặng Tiến Đ, Phạm Đức M, Lê Mạnh D, Đinh Công Tuấn A, Đỗ Anh V và Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị cáo và Trần Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; bị hại; người bào chữa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan THAHS Công an huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Phòng PV 06, PC 10 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp T.P Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Liên**